

Bản án số: 52/2024/HS-PT

Ngày: 08/8/2024.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thái Lan.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Việt Hùng và bà Đậu Thị Quy.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Phú Yên.

*- Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Chí T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1940; Nơi sinh: Phú Yên; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: thôn L, xã B, thành phố TH; tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ học vấn: không xác định; Cha: Nguyễn C (chết); Mẹ: Dương Thị M (chết); Vợ: Lê Thị L, sinh năm: 1950; Có 03 con (con lớn sinh năm 1974 và con nhỏ nhất sinh năm 1980); Tiền án: Không.

*Tiền sự:*

- Ngày 29/8/2019, bị UBND xã B ra Quyết định số 189/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ (đã nộp phạt ngày 18/9/2019).

- Ngày 02/01/2018, bị UBND xã B ra Quyết định số 06/QĐ-UBND xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm

quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ (đã nộp phạt ngày 15/01/2018).

Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt tại phiên tòa.

*Những người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Minh Thu – Luật sư do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử; Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư của Công ty Phúc Luật, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Đều có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2013, UBND xã B làm hợp đồng cho Nguyễn Chí T thuê thửa đất số 142, tờ bản đồ số 231C, diện tích: 2.726m<sup>2</sup> tại thôn Liên Trì 2, xã B, thành phố TH, thời hạn thuê là 03 năm từ năm 2013 đến năm 2015 nhưng không thực hiện thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Phú Yên và Khoản 3 Điều 132 Luật đất đai 2013. Thửa đất số 142, tờ bản đồ 231C, có tổng diện tích là 4.240m<sup>2</sup>, trong đó: năm 2004, UBND thị xã TH cấp cho anh Nguyễn Minh T (con rể cũ của T) diện tích 1.514m<sup>2</sup>, đến năm 2009, anh T làm thủ tục cho tặng vợ chồng Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị L, còn lại 2.726m<sup>2</sup> là đất công ích do UBND xã B quản lý.

Năm 2016 không có hợp đồng thuê nhưng UBND xã B vẫn thu tiền thuê đất. Ngày 01/01/2017, UBND xã B tiếp tục làm hợp đồng cho thuê thời gian từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2019. Năm 2020, mặc dù hết thời hạn thuê đất nhưng T vẫn tiếp tục sử dụng và đóng tiền thuê đất công ích cho UBND xã B.

Ngày 11/01/2018, Nguyễn Chí T xây nhà ở trên đất nông nghiệp tại thửa đất số 142, tờ bản đồ 231C thuộc thôn L, xã B, TP. TH (không thuộc đất công ích) dẫn đến việc bị UBND xã B ra quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng đối với T về hành vi “Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ”; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Nguyễn Chí T đã nộp phạt 1.500.000 đồng, chưa thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 29/8/2019, bị UBND xã B ra Quyết định số 189/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng

lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ (đã nộp phạt ngày 18/9/2019).

Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính, Nguyễn Chí T lại tiếp tục tự ý làm đường, phân diện tích đất công ích đã thuê của UBND xã B thành 14 lô, trong đó 02 lô hiện ông T sử dụng trồng cây quốc, còn 12 lô đất ông T đã chuyển nhượng bằng giấy viết tay cho người khác, cụ thể:

Nguyễn Chí T trực tiếp chuyển nhượng 08 lô đất cho 08 hộ dân, gồm:

1) Ngày 07/9/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Mỹ L 01 lô diện tích ( 6,5x16)m =104m<sup>2</sup> với giá 110.000.000 đồng. Ngày 01/12/2019, ông L, bà L chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Hồng K với giá 147.000.000 đồng. Ông K xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/01/2020, ông K đã nộp phạt và tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

2) Ngày 18/9/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Phong D, Trần Thị T 01 lô diện tích (6,5x16)m = 104m<sup>2</sup> với giá 105.000.000 đồng. Ngày 19/12/2019, ông D, bà T chuyển nhượng lại phần đất này cho bà Võ Thị Diệu T với giá 147.000.000 đồng. Bà T xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 30/12/2019, bà T đã nộp phạt số tiền trên rồi tiếp tục xây dựng nhà ở. Ngày 14/3/2020, bà T bán lại phần đất và nhà xây dựng trái phép cho bà Trần Thị Duy L với giá 390.000.000 đồng.

3) Ngày 09/10/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Lê Trung T và bà Ngô Thị Lệ T 01 lô diện tích (6,5x16)m=104m<sup>2</sup> với giá 200.000.000 đồng. Ngày 16/10/2019, vợ chồng bà T chuyển nhượng phần diện tích đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Chí C và bà Phan Thị H với giá 140.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông C xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 02/12/2019. Ông C đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

4) Ngày 16/10/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, và bà Nguyễn Thị N 01 diện tích 100m<sup>2</sup> với giá 100.000.000 đồng. Vợ chồng bà N xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/01/2020. Bà N đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

5) Ngày 16/10/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Thái T, bà Nguyễn Thị P 01 lô diện tích 100m<sup>2</sup> với giá 100.000.000 đồng. Vợ chồng bà P xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính

ngày 22/01/2020. Bà P đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

6) Ngày 16/11/2019, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng H 01 lô diện tích  $(5,5 \times 19)m = 104,5m^2$  với giá 120.000.000 đồng. Ngày 26/11/2019, ông H chuyển nhượng phần đất này cho ông Hồ Quang T với giá 200.000.000 đồng. Ông T xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 30/3/2020. Ông T đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

7) Ngày 18/11/2019, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc N 01 lô diện tích  $(6,5 \times 16)m = 104m^2$  với giá là 110.000.000 đồng. Ông N, bà Y (là người sống chung như vợ chồng với ông N) xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Y vào ngày 09/12/2019. Bà Y đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở. Ngày 19/3/2020, ông N bán phần đất và nhà xây dựng trái phép lại cho ông Nguyễn Ngọc K với giá 430.000.000 đồng. Hiện tại ông K đang sử dụng phần đất này.

8) Ngày 14/3/2020, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc Hoàng U diện tích  $(3,6 \times 16)m = 57,6m^2$  với số tiền 60.000.000 đồng. Bà U xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 30/3/2020. Bà U đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở. Ngày 10/5/2020, bà U chuyển nhượng lại phần đất và nhà xây dựng trái phép cho bà Nguyễn Thị Minh N (cô ruột U) với giá 280.000.000 đồng. Hiện tại bà N sử dụng phần đất này.

Nguyễn Chí T nhờ con rể là Đỗ H đứng tên chuyển nhượng 05 lô đất cho 04 hộ dân gồm:

1) Ngày 26/4/2019, chuyển nhượng cho Huỳnh Đức T 01 lô diện tích  $100m^2$  với giá 100.000.000 đồng. Sau đó ông T chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Huỳnh Khắc T (cha ruột ông T).

2) Ngày 26/9/2019, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đặng Đăng K, bà Đỗ Thị Hồng H 01 lô diện tích  $(6,5 \times 16)m = 104m^2$  với số tiền là 100.000.000 đồng. Vợ chồng ông K xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/01/2020. Ông K đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

3) Ngày 28/9/2019, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bình Đ 02 lô diện tích  $200m^2$  với số tiền là 240.000.000 đồng. Ông Đ xây dựng nhà ở trái phép trên một phần đất bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/5/2020. Ông Đ đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay. Ngày 12/02/2020, ông Đ đã chuyển nhượng phần đất chưa xây dựng (trong diện tích  $200m^2$ ) cho bà Trần Thị Kim T (cháu ông Đ). Sau đó, bà T

xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/5/2020. Bà T đã nộp tiền phạt tiếp tục xây dựng nhà ở sử dụng cho đến nay.

4) Ngày 14/10/2019 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị Cẩm H 01 lô diện tích 100m<sup>2</sup> với giá trị là 100.000.000 đồng. Vợ chồng bà H xây dựng nhà ở trái phép nên bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/01/2020. Bà H đã nộp tiền phạt rồi tiếp tục sử dụng cho đến nay.

15) trường hợp xây nhà trái phép trên diện tích nhận chuyển nhượng từ ông T đều bị UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai về hành vi chiếm đất do nhà nước quản lý, đã chấp hành xong hình phạt tiền nhưng chưa chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TH đã tuyên bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”. Áp dụng Điểm b, khoản 2, điều 228; điểm s, o, x khoản 1, 2, Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần dân sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2024 và ngày 01/4/2024, bị cáo Nguyễn Chí T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 500.000.000 đồng và đề nghị xem xét lại hai quyết định xử phạt vi phạm hành chính do UBND xã B ban hành đối với bị cáo là quyết định số 189 ngày 29/8/2019 và quyết định số 06 ngày 02/01/2018 vì bị cáo không phải là người thực hiện hành vi này, bị cáo chỉ ký vào biên bản thay cho con của bị cáo, đồng thời yêu cầu xem xét nội dung buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.445.000.000 đồng bị cáo nhận được từ việc chuyển nhượng đất trái pháp luật để tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T– Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Luật sư Nguyễn Hương Quê trình bày: Bản thân bị cáo khi bán đất thì những người mua đất đều biết đất do bị cáo bán không có giấy tờ, đất không được phép cất nhà, bị cáo đã có báo cho chính quyền địa phương về việc họ cất nhà trên đất trái phép do đó lỗi là của người quản lý hành chính đã để họ xây nhà trên đất. Bị cáo thật thà khai báo ăn năn hối cải, là người

già 85 tuổi hiện đang bệnh nặng, bị cáo đã tham gia cách mạng được tặng thưởng huân chương, có anh trai là liệt sĩ. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét hai biên bản xử lý vi phạm hành chính để ra các quyết định 189 và 06 vì bị cáo không phải là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bị cáo chỉ ký thay cho con cháu trong gia đình, vì nếu không xử lý vi phạm hành chính thì bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về sử dụng đất đai.

+ Luật sư Nguyễn Minh Thu trình bày: Thống nhất quan điểm của luật sư đồng nghiệp, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo chịu mức hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Chí T tiếp tục vắng mặt lần thứ 3, người bào chữa cho bị cáo Luật sư Nguyễn Hương Quê tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ 3 với lý do bị cáo đang điều trị bệnh, tuy nhiên xét thấy bị cáo đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Hương Quê mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Chí T có đơn kháng cáo và các luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét lại 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 189/QĐ-XPVPHC ngày 29/8/2019 của UBND xã Bvà Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND xã Bđều xử phạt bị cáo số tiền 1.500.000 đồng cùng về hành vi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ. HĐXX xét thấy tại biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai được ông Nguyễn Thái Phong – Công chức địa chính UBND xã Bình Kiến, với sự chứng kiến của ông Dương Tân – Trưởng thôn Liên Trì 2, bị cáo Nguyễn Chí T xác nhận ký vào biên bản, biên bản chuyển giao QĐXPVPHC số 189/QĐ-XPVPHC ngày 29/8/2019 thể hiện đã chuyển giao Quyết định này cho bị cáo T, bị cáo cũng đã thực hiện việc nộp phạt; Tương tự tại biên bản vi phạm hành chính ngày

11/01/2018, bị cáo cũng thừa nhận đã ký vào biên bản vi phạm và tại biên bản chuyển giao QĐXPVPHC số 06/QĐ-XPVPHC lập ngày 15/01/2018 bị cáo thừa nhận đã ký vào biên bản. Sau khi nhận các Quyết định xử phạt hành chính bị cáo cũng đã nộp số tiền phạt (từ BL 525 đến 536) và không có khiếu nại hay khởi kiện các Quyết định hành chính này. Mặt khác, theo xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thị xã TH cấp cho ông Nguyễn Minh T diện tích đất 1514m<sup>2</sup> tại thửa đất 142, tờ bản đồ 231C thì vợ ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị L nhận tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 207 quyền số 2009/TP/CC-SCT/HĐGD do UBND xã B chứng thực ngày 30/10/2009. Do đó, không chấp nhận lời trình bày của bị cáo và lời bào chữa của những người bào chữa cho bị cáo.

[2.2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Chí T tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian hợp đồng thuê quyền sử dụng 2.726m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 231C, thuộc thôn L, xã B, thành phố TH là đất công ích do nhà nước quản lý (UBND xã B trực tiếp quản lý), bị cáo Nguyễn Chí T đã có hành vi vi phạm quy định về sử dụng đất đai và đã bị UBND xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 và Quyết định số 189/QĐ-XPVPHC ngày 29/8/2019 xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng đều về hành vi “chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ”. Nhưng trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020, bị cáo Nguyễn Chí T tiếp tục có hành vi sử dụng một phần diện tích đất công ích đã thuê của UBND xã B, tự ý phân lô rồi viết giấy tay chuyển nhượng 13 lô đất với tổng diện tích 1.282,1m<sup>2</sup> cho 12 hộ dân khác trái quy định của pháp luật, nhận số tiền 1.445.000.000 đồng sử dụng, trong đó bị cáo T trực tiếp chuyển nhượng 08 lô đất và nhờ con rể Đỗ H đứng tên chuyển nhượng giúp cho bị cáo T 05 lô đất. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Chí T về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 228 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, tạo nên tiền lệ xấu trong việc quản lý sử dụng đất và gây ra sự bức xúc trong nhân dân tại địa phương, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội nên cần xử phạt nghiêm khắc, mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi lượng hình, bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ

phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân cũng như nguyên nhân, điều kiện phạm tội và áp dụng đúng, đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong tình hình hiện nay.

[2.4] Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nguyễn Chí T phải nộp lại số tiền 1.445.000.000 đồng bị cáo nhận được từ việc chuyển nhượng đất trái pháp luật để tịch thu, sung ngân sách nhà nước là có căn cứ pháp luật.

[2.5] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Bị cáo là người cao tuổi nên xét miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T– Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.*

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”.

1. Về hình phạt: Áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 228; Điểm s, o, x Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Chí T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Chí T phải nộp lại số tiền 1.445.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) thu lợi bất chính từ việc bị cáo chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật để tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Thành ủy TH;
- TAND Tp. TH (2);
- CQ CSĐT Tp. TH;
- VKSND Tp. TH;
- Chi cục THADS Tp. TH;
- P. KTNV- THAHS; Bị cáo,  
NTGTT, Lưu THS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thái Lan**